| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**QUẬN NGÔ QUYỀN**<br>**THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 60/2021/HNGĐ-ST
Ngày 29-10-2021
V/v tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Đào Thị Hảo

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Phạm Thị Bấm

Bà Nguyễn Thị Tư

- *Thư ký phiên toà:* Bà Hoàng Thị Hằng - Thư ký Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Ngày 29 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 203/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Đăng N; nơi cư trú: Đường Đ, phường M, quận H, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Hải N1; nơi cư trú: Đường T, phường C, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 05/10/2021 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn là ông Trần Đăng N trình bày:

Tháng 02 năm 1987, ông Trần Đăng N và bà Nguyễn Thị Hải N1 chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện nhưng do không hiểu biết pháp luật nên không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống ông bà hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói

chung. Đến nay ông bà đã sống riêng, không còn quan hệ về tình cảm và kinh tế. Nay ông N xác định tình cảm giữa ông và bà N1 không còn, sống chung không có hạnh phúc, đề nghị Toà án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà Nguyễn Thị Hải N1.

- Về con chung: Ông Trần Đăng N và bà Nguyễn Thị Hải N1 có một con chung là Trần Minh Nhật, sinh ngày 03/01/1988. Con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông Trần Đăng N và bà Nguyễn Thị Hải N1 không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Ông Trần Đăng N sinh năm 1946, là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm.

* Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn là bà Nguyễn Thị Hải N1 trình bày:

Tháng 02 năm 1987, bà Nguyễn Thị Hải N1 và ông Trần Đăng N chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện nhưng do không hiểu biết pháp luật nên không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống ông bà hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Đến nay ông bà đã sống riêng, không còn quan hệ về tình cảm và kinh tế. Nay ông N có đề nghị Toà án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng, bà cũng đồng ý đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Trần Đăng N.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Hải N1 và ông Trần Đăng N có một con chung là Trần Minh Nhật, sinh ngày 03/01/1988. Con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Hải N1 và ông Trần Đăng N không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hải N1 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Đăng N và bị đơn bà Nguyễn Thị Hải N1 đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử công bố lời khai của ông N và bà N1, nội dung vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trần Đăng N và bà Nguyễn Thị Hải N1.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng dân sự:

+ Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

[1] Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 8 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Thị Hải N1 cư trú trên địa bàn quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn:

[2] Nguyên đơn ông Trần Đăng N và bị đơn bà Nguyễn Thị Hải N1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đã có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là bảo đảm đúng các quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân:

[3] Ông Trần Đăng N và bà Nguyễn Thị Hải N1 chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 02 năm 1987 trên cơ sở tự nguyện nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định thì không có giá trị pháp lý". Vì vậy, quan hệ giữa ông Trần Đăng N và bà Nguyễn Thị Hải N1 không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[4] Quá trình chung sống, Ông Trần Đăng N và bà Nguyễn Thị Hải N1 hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm lối sống, không có tiếng nói chung. Đến nay ông N và bà N1 đã không sống cùng với nhau, không còn quan hệ về tình cảm và kinh tế. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận ông Trần Đăng N và bà Nguyễn Thị Hải N1 là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình.

+ Về việc nuôi con:

[5] Ông Trần Đăng N và bà Nguyễn Thị Hải N1 có một con chung là Trần Minh Nhật, sinh ngày 03/01/1988. Con đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ Về việc chia tài sản:

[6] Ông Trần Đăng N và bà Nguyễn Thị Hải N1 không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí:

[7] Ông Trần Đăng N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông Trần Đăng N sinh năm 1946, là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Trần Đăng N được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo:

[8] Ông Trần Đăng N và bà Nguyễn Thị Hải N1 được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9; Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trần Đăng N và bà Nguyễn Thị Hải N1.

2. Về việc nuôi con: Ông Trần Đăng N và bà Nguyễn Thị Hải N1 có một con chung là Trần Minh Nhật, sinh ngày 03/01/1988, đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về việc chia tài sản: Ông Trần Đăng N và bà Nguyễn Thị Hải N1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Ông Trần Đăng N được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án:

Nguyên đơn ông Trần Đăng N và bị đơn bà Nguyễn Thị Hải N1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đào Thị Hảo**